Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3920.94.10

Mã HS	3920.94.10
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ plastic khác: / - - Từ nhựa phenolic: / - - - Dạng tấm phenol formaldehyt (bakelit)
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 12:28:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39209410/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6088
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6088
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6088
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY, MM)	0% (trừ MY, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5898
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5859
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5859
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5859
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5859
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5859
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5859
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5903
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5903

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5903
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5903
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5903
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5903
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5901
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5901
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5901
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5901
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5901
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5901
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5909
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5865
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5861
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5861
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5861
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5861
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5861
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5861
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5884
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5884
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5884
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5884
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5884
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5884
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5927
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5927

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5927
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5927
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5927
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5927
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5912
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5912
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5912
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5912
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5912
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5912
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5915
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5915
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5915
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5915
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5915
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5915
EVFTA	2022	2022	2	EV-NK!D5900
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5900
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5900
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5900
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5900
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5900
UKVFTA	2022	2022	2	UKV!D5902
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5902
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5902
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5902

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5902
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5902
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5884
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5884
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5884
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5884
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5884
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5884
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5884
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5905
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5905
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5905
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5905
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5905
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5905
RCEP B	2022	2022	0	B!D5905
RCEP B	2023	2023	0	B!E5905
RCEP B	2024	2024	0	B!F5905
RCEP B	2025	2025	0	B!G5905
RCEP B	2026	2026	0	B!H5905
RCEP B	2027	2027	0	B!I5905
RCEP C	2022	2022	0	C!D5905
RCEP C	2023	2023	0	C!E5905
RCEP C	2024	2024	0	C!F5905
RCEP C	2025	2025	0	C!G5905
RCEP C	2026	2026	0	C!H5905

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5905
RCEP D	2022	2022	0	D!D5905
RCEP D	2023	2023	0	D!E5905
RCEP D	2024	2024	0	D!F5905
RCEP D	2025	2025	0	D!G5905
RCEP D	2026	2026	0	D!H5905
RCEP D	2027	2027	0	D!I5905
RCEP E	2022	2022	0	E!D5908
RCEP E	2023	2023	0	E!E5908
RCEP E	2024	2024	0	E!F5908
RCEP E	2025	2025	0	E!G5908
RCEP E	2026	2026	0	E!H5908
RCEP E	2027	2027	0	E!I5908
RCEP F	2022	2022	0	F!D5905
RCEP F	2023	2023	0	F!E5905
RCEP F	2024	2024	0	F!F5905
RCEP F	2025	2025	0	F!G5905
RCEP F	2026	2026	0	F!H5905
RCEP F	2027	2027	0	F!I5905
VIFTA	2024	2024	5.1	VI!F5454
VIFTA	2025	2025	4.3	VI!G5454
VIFTA	2026	2026	3.4	VI!H5454
VIFTA	2027	2027	2.6	VI!I5454

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3920.94 có 3 dòng thuế; dòng 3920.94.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng tấm phenol formaldehyt (bakelit).	3920.94.91 Dạng tấm và phiến (SEN); 3920.94.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3920.94.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3920.94.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6088), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.